

**PHÒNG GD & ĐT TP NAM ĐỊNH**  
**TRƯỜNG THCS LỘC HẠ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II.**

**NĂM HỌC: 2014-2015**

**MÔN: NGỮ VĂN 8**

Thời gian: 90 phút. (không kể thời gian giao đề)

**Câu 1 (2 điểm)**

Nêu đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn . Cho ví dụ minh họa.

**Câu 2: (3điểm)**

Trình bày cảm nhận của em về tâm trạng người tù chiến sĩ qua đoạn thơ:

*Ta nghe hè dậy bên lòng  
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi  
Ngột làm sao, chết uất thôi  
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.  
(Tố Hữu – Khi con tu hú)*

**Câu 3: (5điểm)**

Bác Hồ dạy : "Học đi đôi với hành". Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

HẾT

**Câu 1: (2đ)**

HS nêu được đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn .(1,5 điểm)

- Hình thức:

+ Có chứa từ nghi vấn : (ai, gì, nào, sao, tại sao,đâu, bao giờ, à, ư, hả..) hoặc từ nối hay (nói các về câu có quan hệ lựa chọn)

+ Khi viết thường kết thúc bằng dấu chấm hỏi

- Chức năng chính là dùng để hỏi.

Lấy được ví dụ minh họa.( 0,5 điểm)

**Câu 2: (3đ)**

Trình bày cảm nhận của em về tâm trạng người tù chiến sĩ qua đoạn thơ:

*Ta nghe hè dậy bên lòng  
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi  
Ngột làm sao, chết uất thôi  
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu.  
(Tố Hữu – Khi con tu hú )*

-Giới thiệu khái quát về tác giả Tố Hữu, tác phẩm "Khi con tu hú", trích đoạn thơ và nội dung phân tích (tâm trạng của người tù chiến sĩ) 0.5 đ

Trình bày cảm nhận về đoạn thơ cần đảm bảo các ý sau:

+ Sự đau khổ, uất ức, ngột ngạt được diễn tả một cách trực tiếp qua một loạt các từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm, những động từ mạnh: đạp tan phòng, chết uất..., những từ cảm thán: ôi, làm sao, chết uất thôi.. 0.5đ

+ Niềm khao khát cháy bỏng muốn phá tan chế độ tù đày, gông xiềng, muốn thoát khỏi phòng giam tù túng, chật chội của chế độ đế quốc, thực dân. 0.5đ

+Tiếng chim tu hú vang vọng vào nhà giam như thiêu đốt tâm can như giục giã người tù chiến sĩ trở về với cuộc sống tự do, với anh em, đồng chí. 0.5đ

+Từ tâm trạng của nhà thơ chiến sĩ ta thấy được tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, tình yêu quê hương, đất nước và khát vọng tự do cháy bỏng. đây chính là cuộc vượt ngục tinh thần của người chiến sĩ cách mạng. 0.5đ

+ Nghệ thuật: thể thơ lục bát, sử dụng nhiều động từ mạnh, những từ ngữ gợi tả tâm trạng, cách ngắt nhịp...tập trung khắc họa sinh động rõ nét tâm trạng của nhà thơ- người chiến sĩ cách mạng bất khuất vượt lên trên hoàn cảnh tù ngục. 0.5đ

**Câu 3: (5đ)**

Bác Hồ dạy : "Học đi đôi với hành". Em hiểu lời dạy trên như thế nào?

**Yêu cầu**

+ HS biết làm bài đúng yêu cầu của văn nghị luận.

+ Bài viết đảm bảo bố cục đầy đủ, rõ ràng.

- + Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ lời văn trong sáng, tự nhiên.
- + Hình thành các luận điểm một cách hợp lý, lôgic.

*a, Mở bài (0,5 điểm)*

Nêu được vấn đề cần nghị luận: mối quan hệ giữa học và hành.

*b, Thân bài (4 điểm)*

- Giải thích thế nào là học, thế nào là hành
- Tại sao trong quá trình học phải kết hợp chặt chẽ giữa học và hành
- Làm thế nào để kết hợp giữa học và hành cho tốt

*c, Kết luận (0,5 điểm)*

Khẳng định lại cách học tốt nhất là kết hợp giữa việc học và hành

**Cho điểm**

- 4-5 điểm: đúng kiểu bài, bố cục rõ, đủ nội dung, lời văn trong sáng, mạch lạc, lập luận chặt chẽ
- 2,5-3.5 điểm : đúng kiểu bài, bố cục rõ, đủ nội dung, lời văn trong sáng, mạch lạc.
- 1,5-2 điểm : đúng kiểu bài, bố cục rõ, đủ nội dung, lời văn còn lan man.
- 0,5- 1 điểm: viết lộn xộn, chưa rõ các luận điểm và vấn đề nghị luận .

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II.  
NĂM HỌC: 2013-2014  
MÔN: NGỮ VĂN 8  
Thời gian: 90 phút. (không kể thời gian giao đề)

---

**Câu 1: (1,5 điểm)**

a/Chép lại những dòng thơ còn thiếu sau đây:

*"Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt*

.....

*Với cặp báo chuồng bên vô tư lự."*

b/ Nêu nội dung chính của khổ thơ đó?

**Câu 2: (1,5 điểm)**

a/Hãy nêu đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn?

b/Lấy ví dụ về câu nghi vấn và cho biết chức năng của nó?

**Câu 3: (2 điểm)**

Qua văn bản "Chiều đời đô", Em hãy cho biết vì sao thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời?

**Câu 4: (5 điểm)**

Thuyết minh về chiếc áo dài Việt Nam.

=HẾT=



	<p>nhẹ, thoáng mát.</p> <p>3.Kiểu dáng</p> <p>-Cấu tạo</p> <p>+Áo dài từ cổ xuống đến chân</p> <p>+Cổ áo may theo kiểu cổ Tàu, cũng có khi là cổ thuyền, cổ tròn theo sở thích của người mặc. Khi mặc, cổ áo ôm khít lấy cổ, tạo vẻ kín đáo.</p> <p>+Khuy áo thường dùng bằng khuy bấm, từ cổ chéo sang vai rồi kéo xuống ngang hông.</p> <p>+Thân áo gồm 2 phần: Thân trước và thân sau, dài suốt từ trên xuống gần mắt cá chân.</p> <p>+Khi mặc áo ôm sát vào vòng eo, làm nổi bật vóc dáng của người phụ nữ.</p> <p>+ Tà áo xẻ dài từ trên xuống, giúp người mặc đi lại dễ dàng, thoáng tha, uyển chuyển.</p> <p>-Khăng định đó là nét đặc trưng khác biệt của chiếc áo dài việt Nam.</p> <p>-Màu sắc: Đa dạng, tùy theo sở thích lựa chọn của mỗi người.</p> <p>4. Ý nghĩa.</p> <p>-Chiếc áo dài luôn giữ được tầm quan trọng của nó và trở thành bộ lễ phục của các bà, các cô.</p> <p>-Áo dài Việt Nam đã được tổ chức Unesco công nhận là 1 di sản Văn hoá phi vật thể, là biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam.</p> <p>-Từ xưa đến nay chiếc áo dài đã trở thành tác phẩm mỹ thuật</p> <p><b><u>III.Kết bài:</u></b></p> <p>-Ngày nay có nhiều kiểu áo thời trang của nước ngoài du nhập vào nước ta, nhưng trang phục truyền thống, chiếc áo dài dân tộc vẫn là một biểu tượng đẹp của người phụ nữ Việt Nam .</p> <p>-Chiếc áo dài đã trở thành quốc phục. Đó là tâm hồn, cốt cách của người Việt gửi vào vẻ tha thướt, quyến rũ của chiếc áo</p>	<p>1d</p> <p>0,5d</p> <p>(0.5d)</p>
<p><b>*. BIỂU ĐIỂM CÂU 4:</b></p>		

- **Điểm 4.5-5:** Bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu cả về bố cục, nội dung. Có tính biểu cảm cao. Trình bày sạch, đẹp. Có thể vấp vài lỗi không đáng trong diễn đạt.
- **Điểm 3.5-4 :** Bài viết đảm bảo nội dung trên, nhưng sức thuyết phục chưa cao.
- **Điểm 2-3:** Xác định được yêu cầu của đề ra. Bài viết có thực hiện các yêu cầu trên nhưng chưa sâu sắc
- **Điểm 1-2:** Xác định được yêu cầu của đề ra. Bài viết mới đảm bảo một vài yêu cầu trên. Trình bày cẩu thả.
- **Điểm 0:** Bài nộp giấy trắng.

**PHẦN I: Trắc nghiệm khách quan (2,0 điểm)**

Hãy chọn phương án đúng nhất để viết vào tờ giấy thi.

1. Tâm trạng nhân vật “tôi” ngày đầu tiên đi học trong truyện ngắn “Tôi đi học” của Thanh Tịnh là gì?  
A. Bỡ ngỡ  
B. Sợ hãi, lo âu  
C. Náo nức, rộn rã  
D. Vui tươi, phấn khởi
2. Các phương tiện nào dùng để liên kết đoạn văn trong văn bản?  
A. Dùng câu nối và dấu câu  
B. Dùng cụm từ nối và bố cục  
C. Dùng từ nối và câu nối  
D. Dùng lí lẽ
3. Câu văn: “Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỉ che lấp mất.” (Trích “Lão Hạc”, Nam Cao) là đánh giá của ông giáo về nhân vật nào?  
A. Binh Tư  
B. Con trai Lão Hạc  
C. Lão Hạc  
D. Vợ ông giáo
4. Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh?  
A. So sánh và đối  
B. So sánh và nhân hoá  
C. Ẩn dụ và điệp ngữ  
D. Nhân hoá và nói quá
5. Văn bản nào sau đây không thuộc văn bản nhật dụng?  
A. Ôn dịch thuốc lá  
B. Bài toán dân số  
C. Đi bộ ngao du  
D. Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000
6. Những câu sau, câu nào không phải là câu cầu khiến?  
A. Anh em binh sĩ tiến lên!  
B. Đứng cho gió thổi nữa!  
C. Mong anh thông cảm.  
D. Người thuê viết nay đâu?
7. Tác giả nào sau đây có tác phẩm làm theo thể sáu được học trong chương trình Ngữ văn 8?  
A. Lí Công Uẩn  
B. Trần Quốc Tuấn  
C. Nguyễn Thiếp  
D. Nguyễn Trãi
8. Nhận định nào sau đây không đúng về tác dụng của yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận?  
A. Yếu tố biểu cảm làm tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận.  
B. Yếu tố biểu cảm có thể làm giảm tính khoa học của bài văn nghị luận nếu bị lạm dụng.  
C. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận không được phá vỡ mạch lạc bài nghị luận.  
D. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận càng nhiều càng tốt.

**PHẦN II: Tự luận (8,0 điểm)**

**Câu 1: (3,0 điểm)**

Trình bày cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“Ta bước chân lên, đồng dục, đường hoàng,  
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,  
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.  
Trong hang tối, mắt thân khi đã quắc,  
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.  
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài,  
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.”

(Trích “Nhớ rừng”, Thế Lữ)

**Câu 2: (5,0 điểm)**

Qua văn bản “Nước Đại Việt ta” (Sách giáo khoa Ngữ văn 8 – Tập 2) em hãy làm sáng tỏ tư tưởng nhân nghĩa, lòng tự hào tự tôn dân tộc của Nguyễn Trãi?

..... HẾT .....

**Tổng điểm cho cả bài thi 10 điểm**  
**Yêu cầu nội dung, hình thức và phân bố điểm thành phần như sau:**

**PHẦN I: Trắc nghiệm khách quan (2,0 điểm)**

- Yêu cầu:

Học sinh viết lại câu trả lời đúng nhất (trong các câu trả lời sau mỗi câu hỏi). Mỗi câu đúng được 0,25 điểm, tổng 2,0 điểm.

- Đáp án:

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A. Bỡ ngỡ	5	C. Đi bộ ngao du
2	C. Dùng từ nói và câu nói	6	D. Người thuê viết nay đâu?
3	D. Vợ ông giáo	7	C. Nguyễn Thiếp
4	B. So sánh và nhân hoá	8	D. Yếu tố biểu cảm trong văn...

**PHẦN II: Tự luận (8,0 điểm)**

Câu	Yêu cầu về nội dung	Điểm
<b>Câu 1 (3,0 điểm)</b>	* Học sinh cảm nhận được: - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm... - Nội dung của đoạn trích...	0,25 đ
	- Học sinh cảm nhận được hình ảnh con hổ trong đoạn trích hiện lên thật oai phong lẫm liệt ... + Một loạt những từ ngữ gợi hình khắc họa tư thế oai phong của con hổ “dõng dạc”, “đường hoàng”... + Phép tu từ so sánh diễn tả chính xác về đẹp mềm mại, uyển chuyển của chúa sơn lâm...	1,0 đ
	- Không chỉ trong tư thế oai phong, hình ảnh vị chúa tể còn được khắc họa có cả sự uy nghi, dữ dội, đầy uy lực “Trong hang tối mắt thần khi đã quắc – Là khiến cho mọi vật đều im hơi.”	0,75 đ
	- Từ “ta” vang lên đầy kiêu hãnh. Chúa sơn lâm được miêu tả, được khắc họa với vẻ đẹp quyền uy là tuyệt đối... => Đánh giá: Những câu thơ trên thật sống động, giàu chất tạo hình, diễn tả vẻ đẹp uy nghi, dũng mãnh vừa mềm mại, uyển chuyển của vị chúa tể sơn lâm đầy quyền uy ...	0,25 đ
	- Khái quát về ý nghĩa của đoạn thơ: Là đoạn thơ hay nhất khắc họa hình ảnh chúa sơn lâm nhớ về quá khứ ...	0,5 đ
	- Khái quát về ý nghĩa của đoạn thơ: Là đoạn thơ hay nhất khắc họa hình ảnh chúa sơn lâm nhớ về quá khứ ...	0,25 đ
	<b>1. Mở bài:</b> - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích ... - Dẫn vấn đề cần chứng minh: Tư tưởng nhân nghĩa và	<b>0,5 đ</b>



<b>Câu 2 (5,0 điểm)</b>	lòng tự hào tự tôn dân tộc ...	
	<b>2. Thân bài:</b> Học sinh cần làm sáng tỏ được hai nội dung chủ yếu:	<b>4,0 đ</b>
	<b>a) Tư tưởng nhân nghĩa:</b> Được thể hiện ở hai câu đầu: “Việc nhân nghĩa ... trừ bạo.” - Cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa là: “yên dân”, “trừ bạo”. Có nghĩa là nhân nghĩa gắn liền với yêu nước chống giặc xâm lược, vì lợi ích của nhân dân, lấy dân làm gốc ...	1,0 đ
	<b>b) Lòng tự hào tự tôn dân tộc:</b> - Lòng tự hào tự tôn dân tộc thể hiện ở việc khẳng định độc lập chủ quyền của dân tộc: “Như nước .... cũng có”... Nguyễn Trãi đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập chủ quyền dân tộc: Nền văn hiến lâu đời, cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán riêng, có chế độ lịch sử riêng và đặc biệt là nước ta có nhiều anh hùng hào kiệt mặc dù yếu hay mạnh đời nào cũng có... - Lòng tự hào tự tôn dân tộc còn được thể hiện ở sức mạnh của chính nghĩa: “Lưu Cung ... còn ghi”. Nguyễn Trãi đưa ra những minh chứng đầy thuyết phục về sức mạnh của nhân nghĩa, của chân lí qua việc liệt kê hàng loạt những chiến thắng lịch sử hào hùng ở cửa Hàm Tử và sông Bạch Đằng. Nguyễn Trãi khẳng định điều này còn được ghi trong sử sách... - Khái quát về nghệ thuật của văn bản: Giọng văn chính luận của Nguyễn Trãi, cách lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn...	1,75 đ  1,0 đ
	<b>3. Kết bài:</b> - Khẳng định giá trị của đoạn trích “Nước Đại Việt ta”... - Liên hệ, suy nghĩ của bản thân...	0,25 đ  <b>0,5 đ</b>

*\* Lưu ý với câu 2 phần II: Bài làm của học sinh có thể có những cách trình bày khác nhau nhưng các em có kỹ năng viết văn đúng thể loại, diễn đạt trong sáng.*

*Biết cách vận dụng kết hợp làm sáng tỏ vấn đề... Không mắc lỗi diễn đạt mới cho điểm tối đa ở mỗi ý. Nếu sai từ 8 đến 10 lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu trừ 0,5 điểm. Sai trên 10 lỗi trừ 1,0 điểm.*

**\* Lưu ý chung:** Sau khi chấm điểm từng câu giám khảo nên cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng trình độ của học sinh.

+ Điểm của toàn bài là điểm của các câu cộng lại, cho điểm lẻ đến 0,25 không làm tròn.

Trường:.....  
Họ tên: .....  
Lớp: .....

**KIỂM TRA HỌC KỲ II**  
**Năm học 2010 - 2011**  
**Môn: Văn**  
(Thời gian làm bài: 90 phút)

Điểm	Lời nhận xét của giáo viên

**Đề bài:**

**Phần I. Trắc nghiệm( 3 điểm). Đọc và khoanh tròn vào đáp án đúng**

**Câu 1: Bài thơ “Quê hương” Của tác giả Tế Hanh được rút từ tập thơ nào?**

- A. Hoa niên.      B. Nghẹn ngào.      C. Gửi miền bắc.      D. Hai nửa yêu thương.

**Câu 2: Bình Ngô đại cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập là vì: đã khẳng định chân lí Việt Nam (Đại Việt) là một nước độc lập, có lãnh thổ riêng, có chủ quyền riêng, có nền văn hiến lâu đời, có phong tục tập quán riêng, có lịch sử riêng. Kẻ nào xâm phạm đến quyền độc lập ấy nhất định phải chịu thất bại nhục nhã.**

- A. Sai      B. Đúng

**Câu 3: Bản dịch bài thơ “Đi đường” thuộc thể thơ gì?**

- A. Thất ngôn tứ tuyệt      B. Song thất lục bát.  
C. Lục bát.      D. Cả A, B, C đều sai.

**Câu 4 : Trần Quốc Tuấn sáng tác “Hịch tướng sĩ” vào thời điểm nào:**

- A. Trước khi cuộc kháng chiến bắt đầu.      B. Sau khi cuộc kháng chiến thắng lợi.  
C. Lúc cuộc kháng chiến sắp kết thúc.      D. Cuộc kháng chiến đang diễn ra ác liệt.

**Câu 5: Có thể phân loại câu phủ định thành mấy loại cơ bản ?**

- A. Hai loại      B. Bốn loại  
C. Ba loại      D. Không phân loại

**Câu 6 :Văn bản nào không thuộc thời kỳ Trung đại ?**

- A. Chiếu dời đô      C. Nước Đại Việt ta  
B. Hịch tướng sĩ      D. Thuế máu

**Câu 7: Tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận là gì ?**

- A. Giúp bài văn nghị luận dễ hiểu hơn.  
B. Giúp cho việc trình bày luận điểm chặt chẽ hơn.  
C. Giúp cho việc trình bày luận điểm, luận cứ rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn.  
D. Cả A,B,C đều sai.

**Câu 8: Câu nghi vấn là câu:**

- A. Người thuê viết nay đâu? (Vũ Đình Liên)  
B. Mây trời ngay chông bà đi, bà cho mây xem! (Ngô Tất Tố)  
C. Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi! ( Tố Hữu)  
D. Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá. (Tế Hanh)

**Câu 9: Trong hội thoại, người có vai xã hội thấp phải có thái độ ứng xử với người có vai xã hội cao như thế nào?**

- A. Thân mật.      B. Kính trọng.  
C. Quy lụy.      D. Luồn cúi.

**Câu 10:** Tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu thơ "*Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng*" là:

- A. Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật. B. Tạo sự liên kết với các câu khác trong văn bản.  
C. Nhấn mạnh đặc điểm của sự vật. D. Đảm bảo sự hài hòa về ngữ âm

**Câu 11:** Trong câu "*Lúc bấy giờ ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!*" đã thực hiện kiểu hành động nói nào?

- A. Hành động trình bày. B. Hành động hỏi.  
C. Hành động bộc lộ cảm xúc. D. Hành động điều khiển.

**Câu 12:** Ba câu đầu bài thơ "*Tức cảnh Pác Bó*" cho ta hiểu gì về người chiến sĩ cách mạng?

- A. Đó là người yêu thiên nhiên đến say đắm. B. Đó là người yêu tha thiết công việc cách mạng.  
C. Đó là người làm chủ cuộc sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào. D. Đó là người sống hòa hợp tình cảm cách mạng với tình yêu thiên nhiên.

***Phần II. Tự luận (7 điểm).***

**Câu 1:(2 điểm):** Trong những đoạn trích sau, câu nào là câu cầu khiến?

a) Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!

(Tô Hoài, "*Đế mèn phiêu lưu kí*")

b) Ông đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi:

- Các em đừng khóc. Trưa nay các em vẫn được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa. (*Thanh Tịnh, "Tôi đi học"*)

**Câu 2:** Từ bài "*Bàn luận về phép học*" của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa "học" và "hành".

## ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

**Phần I: Trắc nghiệm: 3 điểm** (mỗi đáp án đúng 0.25 điểm)

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Đáp án</b>	B	B	C	A	A	D	C	A	B	C	C	D

**Phần II: Tự luận: 7 điểm**

**Câu 1: (2 điểm)** Có những câu cầu khiến sau:

- Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. (1 điểm)
- Các em đừng khóc. (1 điểm)

**Câu 2: (5 điểm)**

<b>Phần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Điểm</b>
Mở bài	- Giới thiệu về La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp và bài tấu “Bàn luận về phép học” gửi lên vua Quang Trung của ông.	<b>0.5</b>
Thân bài	* Tóm tắt những luận điểm trong “Bàn luận về phép học” của Nguyễn Thiếp. - Mục đích chân chính của việc học: Học là để làm người. - Phê phán những quan điểm sai trái trong việc học tập: lối học hình thức mà mục đích là cầu danh lợi. - Khẳng định muốn học tốt phải có phương pháp: học cơ bản, học từ thấp tới cao, đặc biệt là học phải đi đôi với hành. * Suy nghĩ về mối quan hệ giữa “học” và “hành”: - Học và hành có mối quan hệ mật thiết với nhau; không nên đề cao mặt này xem nhẹ mặt kia. - Xác định đúng đắn mục đích của việc học: học để có kiến thức, tránh lối học chạy theo bằng cấp, ... - Không ngừng bổ sung, nâng cao hiểu biết, tích lũy kiến thức qua việc học tập. - Liên hệ thực tế (lời Bác hỏi dạy “Học đi đôi với hành”...)	<b>1.5</b> 0.5 0.5 0.5 <b>2.0</b> 0.5 0.5 0.5
Kết bài	- Phương pháp đào tạo hiện nay của chúng ta là tạo ra những con người mới sáng tạo, chủ động, tích cực. - Bài viết: “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp đến hôm nay vẫn là chân lí đúng đắn ...	<b>0.5</b>